

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-PT

Ngày: 13/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Thái

Ông Hoàng Hữu Truyền

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Hoa Quỳnh -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 40/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Trần Đăng K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2018/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

* *Bị cáo có kháng cáo:* **Trần Đăng K**, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1978 tại B; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ là Bé Thị N và có 02 con (Con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* *Người có nghĩa vụ liên quan (Tòa án không triệu tập):*

Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1948; trú tại: Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh B.

* *Những người làm chứng (Tòa án không triệu tập):*

1. Ông Dương Trọng N; sinh năm: 1970; Trú tại: thôn T, xã M, huyện B, tỉnh B.

2. Ông Triệu Văn T; sinh năm: 1986; Trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại khu vực thôn K, xã H, huyện B, tỉnh B. Tổ công tác Công an huyện B đã tiến hành kiểm tra hành chính đối với Trần Đăng K, sinh năm 1978, tạm trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh B và Dương Trọng N, sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã M, huyện B, tỉnh B. Tuy nhiên, K và N không chấp hành yêu cầu, điều khiển xe máy vượt qua tổ công tác theo hướng từ xã H đi xã L, đi được khoảng 100m thì bị tổ công tác khống chế. Trong quá trình truy đuổi, tổ công tác thấy K dùng tay phải vút xuống mương 01 gói nilông màu trắng trong suốt, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng bột và cục. Tổ công tác Công an huyện B tiến hành niêm phong gói nilông chứa chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu “K”; và thu giữ 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 xe máy nhãn hiệu Suzuki viva màu xanh, biển kiểm soát 97F2-8959.

Tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng gói chất bột màu trắng thu giữ của Trần Đăng K. Tổng số chất bột màu trắng có trọng khối lượng là 0,260 (Không phải hai mươi sáu) gam, niêm phong toàn bộ số chất bột màu trắng trên trong phong bì ký hiệu “K1” để gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 127/KTHS-MT ngày 13/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu “K1” gửi giám định là ma túy loại Hêrôin, có trọng lượng là 0,260 (Không phải hai mươi sáu) gam.*

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đăng K khai nhận: Túi nilông chứa chất bột màu trắng bị cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ là của K. Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 09/10/2017, K đang ở xã M, huyện B thì gặp Dương Trọng N, N nói muốn tìm mua gỗ về làm trần nhà. Sau đó, K và N cùng điều khiển xe máy xuống thị trấn P thì Triệu Văn T, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã N, huyện B, gọi điện cho K hỏi có ma túy không cho T sử dụng cùng. K đồng ý và hẹn gặp T tại cầu N, thuộc thôn Đ, xã C, huyện B. Tại đây, cả ba người cùng điều khiển xe máy đến nhà máy gạch Tuy Nén thuộc thôn K, xã C, huyện B thì K bảo N và T ở đây chờ. Một mình K điều khiển xe máy đi tiếp đến khu vực thôn B, xã C, huyện B gặp một người phụ

nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể và mua 01 gói ma túy với giá 495.000đ (Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Sau đó, K quay lại đón N và T rồi cùng nhau đi vào đường liên thôn K - N để sử dụng ma túy. K chia cho N và T mỗi người một ít ma túy và K cũng sử dụng một ít, số còn lại K gói lại mang về sử dụng tiếp. Khi quay trở về đến đường Quốc lộ 3, T xuống xe đi về nhà. K và N đi tiếp đến thôn K, xã H, huyện B thì bị tổ công tác Công an huyện B phát hiện và bắt giữ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2018/HS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B đã tuyên bố bị cáo Trần Đăng K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Đăng K 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2017.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Đăng K 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2018, bị cáo Trần Đăng K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo về phần hình phạt bổ sung đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh bị cáo và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B khẳng định việc truy tố, xét xử bị cáo với tội danh và hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Tuy nhiên, về hình phạt bổ sung đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng vì gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo lại là người đang trực tiếp thờ phụng liệt sĩ. Do đó, đề nghị HĐXX giữ nguyên mức hình phạt tù và sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt bổ sung, miễn toàn bộ tiền phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về trình tự thủ tục: Kháng cáo của bị cáo Trần Đăng K trong hạn luật định, đúng trình tự, thủ tục quy định.

Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu, có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ

cơ sở xác định: Ngày 09/10/2017, tại khu vực thôn K, xã H, huyện B, tỉnh B. Trần Đăng K đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với trọng lượng là 0,260 (Không phải hai mươi sáu) gam, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Với hành vi tàng trữ trọng lượng ma túy nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Đăng K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy: Tại cấp sơ thẩm bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999 là “Người phạm tội thành khẩn khai báo”; bị cáo đang thờ cúng liệt sĩ Trần Đăng N (chú ruột của bị cáo). Bị cáo có nhân thân xấu năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 06 (Sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó mức hình phạt 02 (Hai) năm tù là phù hợp với tính chất, hành vi mà bị cáo đã gây ra. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo không được HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa bị cáo bổ sung thêm nội dung kháng cáo về phần hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX xem xét điều kiện, hoàn cảnh miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Sau khi xem xét HĐXX thấy gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, không có điều kiện để thi hành án khoản tiền phạt. Hơn nữa, bị cáo là người trực tiếp thờ cúng liệt sĩ Trần Đăng N (Chú ruột bị cáo) theo Quyết định số 1643/QĐ – LĐTBXH ngày 12/11/2016 của Sở Lao động – Thương bị và Xã hội tỉnh Bắc Kạn. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung của bị cáo. Miễn phần hình phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm với số tiền 5.000.000 (Năm triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt chính, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về hình phạt bổ sung sửa bản án sơ thẩm số: 11/2018/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Đăng K 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/11/2017.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo quyết định của bản án sơ thẩm cho bị cáo Trần Đăng K.

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đăng K được miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Truyền Nguyễn Công Thái

Hà Quang Huy

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện Bạch Thông;
- VKSND huyện Bạch Thông;
- CA huyện Bạch Thông;
- THADS huyện Bạch Thông;
- Sở Tư pháp tỉnh BK;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Huy